

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 32
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	33 -38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25 tháng 04 năm 2012.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PTS.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
	Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Thủy	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/4/2012)
	Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm T4/2012)
	Ông Đào Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/4/2012)

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Trọng Thủy
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Số: 89/2013/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		56.122.691.146	62.378.202.968
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.813.863.733	5.109.681.969
1. Tiền	111	5.1	1.813.863.733	5.109.681.969
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	863.743.990
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.620.441.674
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.756.697.684)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.205.756.216	33.457.555.081
1. Phải thu khách hàng	131		11.195.595.853	9.528.664.456
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	14.542.266.736	17.142.084.132
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	6.467.893.627	6.786.806.493
IV- Hàng tồn kho	140		19.709.791.445	21.180.380.955
1. Hàng tồn kho	141	5.5	19.709.791.445	21.180.380.955
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.393.279.752	1.766.840.973
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.153.480	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.6	1.789.626.272	1.188.410.973
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	486.500.000	578.430.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		72.039.345.997	80.340.470.948
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		42.701.000	42.701.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(42.701.000)	(42.701.000)
II Tài sản cố định	220		57.786.498.108	64.896.752.560
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	56.541.741.180	59.557.944.050
- Nguyên giá	222		96.322.960.455	91.038.847.708
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.781.219.275)	(31.480.903.658)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	1.244.756.928	5.338.808.510
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	4.188.929.732	5.262.582.924
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.188.929.732	4.362.582.924
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	900.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.063.918.157	10.181.135.464
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	9.779.898.316	9.743.886.234
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.12	276.519.841	429.749.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		128.162.037.143	142.718.673.916

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.413.778.423	51.186.800.325
I- Nợ ngắn hạn	310		49.413.778.423	48.249.043.481
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	6.500.000.000	1.304.450.000
2. Phải trả người bán	312		13.549.678.430	13.397.922.533
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	25.529.006.580	26.658.082.140
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	427.678.494	69.348.273
5. Phải trả người lao động	315		1.390.492.741	3.750.228.620
6. Chi phí phải trả	316	5.16	12.527.777	925.338.780
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.17	1.260.830.301	1.741.859.035
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		743.564.100	401.814.100
II- Nợ dài hạn	330		-	2.937.756.844
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	-	2.475.597.469
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	462.159.375
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		78.748.258.720	91.531.873.591
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	78.748.258.720	91.531.873.591
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.680.000.000	55.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.024.502.460
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.013.122.301	13.633.915.177
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.684.066.865	3.098.213.858
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.653.432.906)	13.095.242.096
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		128.162.037.143	142.718.673.916

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		28.380.000	28.380.000

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		279.843.940.109	318.852.980.071
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	279.843.940.109	318.852.980.071
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	267.445.335.117	293.753.684.026
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.398.604.992	25.099.296.045
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	47.905.595	453.763.128
7. Chi phí tài chính	22	5.23	1.174.769.975	2.091.075.633
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.420.891.985</i>	<i>939.607.193</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.797.805.947	3.454.541.703
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.380.228.656	11.873.139.935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(2.906.293.991)	8.134.301.902
11. Thu nhập khác	31		701.244.032	2.937.170.259
12. Chi phí khác	32		332.205.300	1.222.653.746
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	369.038.732	1.714.516.513
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		337.860.007	338.058.091
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(2.199.395.252)	10.186.876.506
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	521.870	2.133.753.289
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		42.959.309	94.983.437
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.242.876.431)	7.958.139.780
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	(403)	1.515

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(2.199.395.252)	10.186.876.506
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.300.315.617	7.539.250.963
- Các khoản dự phòng	03		(1.756.697.684)	1.151.468.440
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(294.027.605)	(999.015.865)
- Chi phí lãi vay	06		1.420.891.985	939.607.193
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.471.087.061	18.818.187.237
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.306.602.064	111.414.075
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.469.558.570	16.803.582.518
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.885.678.976)	(31.172.838.557)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(259.760.749)	188.587.447
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.420.891.985)	(939.607.193)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(264.679.975)	(4.098.136.775)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		26.350.000	305.492.078
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.318.326.125)	(2.671.990.079)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(875.740.115)	(2.655.309.249)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.864.826.484)	(9.967.797.646)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.901.678.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(261.406.464)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	(300.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.905.595	453.763.128
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(2.916.920.889)	(7.173.762.801)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	17.400.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19.000.000.000	18.470.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.500.000.000)	(21.774.450.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.003.157.232)	(1.778.200.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		496.842.768	12.317.350.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.295.818.236)	2.488.277.951
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.109.681.969	2.621.404.018
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	1.813.863.733	5.109.681.969

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B09 - DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 020300035 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25/04/2012 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 55.680.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.839.680	28.396.800.000	51%
Các cổ đông khác	2.728.320	27.283.200.000	49%

Cộng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Khí hóa lỏng (gas), xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải thủy
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý khí hóa lỏng (gas)
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Nhà đất, cảng biển, kho bãi
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Sắt, thép
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính .

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Ghi nhận ban đầu

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính theo ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 14
Dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của các dự án đầu tư mở rộng mang lại theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	123.388.195	1.651.146.677
Tiền gửi ngân hàng	1.690.475.538	3.458.535.292
Tổng	1.813.863.733	5.109.681.969

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		2.620.441.674
<i>Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO - VTO</i>	-	-	74.106	1.112.598.835
<i>Cty CP Vận tải và Thuê tàu-VFR</i>				
<i>Cty CP Bao bì PP- HBP</i>	-	-	22.300	376.098.025
<i>Cty CP Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp- IDJ</i>	-	-	75.000	960.250.350
<i>Cty CP Hoá dầu Petrolimex- PLC</i>	-	-	25	250.000
<i>Cty CP Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex- PJT</i>	-	-	21.650	171.244.464
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(1.756.697.684)
Tổng cộng			-	863.743.990

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	232.660.002	1.091.114.020
Hoạt động dịch vụ, sửa chữa	10.474.606.734	12.324.936.734
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	3.835.000.000	3.726.033.378
Tổng	14.542.266.736	17.142.084.132

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	310.067.365	241.852.302
Công ty Cổ phần Chứng khoán- Lãi đầu tư cổ phiếu	-	130.301.211
Công ty Cổ phần Vận tải biển Sông Tranh-Tiền thiếu hàng do đâm và tàu	131.182.827	131.182.827
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	863.579.231	55.691.568
Phải thu vận tải bộ	4.596.966	-
Phải thu của các tàu vận tải thủy (*)	3.963.361.310	4.361.433.157
Phải thu của các tàu vận tải biển (*)	589.144.085	1.041.044.254
Phải thu về tiền mua cổ phiếu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam(**)	-	735.000.000
Phải thu về tạm ứng tiền lương	489.545.396	-
Phải thu khác	116.416.447	90.301.174
Tổng	6.467.893.627	6.786.806.493

(*): Là các khoản chi phí thường xuyên của tàu mà Công ty cấp cho các tàu để các tàu duy trì hoạt động, chủ yếu là chi phí nhiên liệu.

(**): Là khoản tiền phải thu của CBCNV về mua cổ phiếu của Tập đoàn Xăng dầu.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.120.560.661	3.338.634.748
Công cụ, dụng cụ	45.331.984	49.527.490
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Dự án Bất động sản nhà Đông Hải)	14.438.740.453	15.672.589.726
Hàng hoá	2.105.158.347	2.119.628.991
Tổng	19.709.791.445	21.180.380.955

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp tạm nộp - Dự án Đông Hải	446.611.352	69.384.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.338.871.864	1.101.377.624
<i>Trong đó: Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ nộp tiền của Dự án Đông Hải</i>	<i>206.192.435</i>	<i>178.377.075</i>
Thuế thu nhập cá nhân	2.143.056	15.649.338
Các khoản khác phải thu nhà nước	2.000.000	2.000.000
Tổng	1.789.626.272	1.188.410.973

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	483.500.000	575.430.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng	486.500.000	578.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2012	15.629.822.143	4.988.578.051	68.526.684.635	1.603.208.455	290.554.424	91.038.847.708
Tăng trong năm	1.707.792.958	42.399.902	3.476.280.796	57.639.091	-	5.284.112.747
Mua trong năm	-	28.886.363	-	57.639.091	-	86.525.454
XDCB hoàn thành	1.707.792.958	13.513.539	3.476.280.796	-	-	5.197.587.293
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	17.337.615.101	5.030.977.953	72.002.965.431	1.660.847.546	290.554.424	96.322.960.455
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2012	3.256.117.073	2.898.603.576	24.560.033.670	641.828.804	124.320.535	31.480.903.658
Tăng trong năm	1.001.330.218	450.612.782	6.525.309.344	264.431.585	58.631.688	8.300.315.617
Khấu hao trong năm	1.001.330.218	450.612.782	6.525.309.344	264.431.585	58.631.688	8.300.315.617
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	4.257.447.291	3.349.216.358	31.085.343.014	906.260.389	182.952.223	39.781.219.275
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2012	12.373.705.070	2.089.974.475	43.966.650.965	961.379.651	166.233.889	59.557.944.050
Tại 31/12/2012	13.080.167.810	1.681.761.595	40.917.622.417	754.587.157	107.602.201	56.541.741.180

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

10.748.707.914

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

5.381.587.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.338.808.510	2.448.162.239
Tăng trong năm	9.409.139.926	18.782.232.161
Giảm trong năm	13.503.191.508	15.891.585.890
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>5.314.426.461</i>	<i>6.354.918.864</i>
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>6.010.878.746</i>	<i>5.661.222.251</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>2.177.886.301</i>	<i>3.875.444.775</i>
Tại ngày 31 tháng 12	1.244.756.928	5.338.808.510

Chi tiết theo nội dung:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	302.175.288	320.720.742
Chi phí xây dựng triển đầ	6.372.967	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	399.317.654	852.695.797
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	536.891.019	4.159.019.004
Tổng	1.244.756.928	5.338.808.510

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	310.000	4.188.929.732	310.000	4.362.582.924
<i>Cty CP Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng(*)</i>	<i>310.000</i>	<i>4.188.929.732</i>	<i>310.000</i>	<i>4.362.582.924</i>
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	900.000.000
<i>Cty CP Công trình Giao thông HP(**)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>900.000.000</i>

(*) Chi tiết khoản góp vốn vào Công ty liên kết:

Công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải hàng hóa thủy, bộ; môi giới và đại lý hàng hải, đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng	12,90%	4.188.929.732	4.362.582.924

Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (Tiếp theo)

(**) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2008-HTĐT ngày 16/10/2008 giữa Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Petrolimex Hải Phòng về việc hợp tác liên doanh thực hiện Dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở II Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Hải Phòng” tại phường Nam Sơn, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Mục tiêu đầu tư: đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt thiết bị, máy móc, các phương tiện kỹ thuật cần thiết khác tạo thành một cơ sở.

Tổng mức đầu tư của dự án là 86.333.900.000 đồng, chia làm 2 giai đoạn góp vốn. Giai đoạn 1 huy động 12.000.000.000 đồng để thành lập một Công ty cổ phần quản lý đầu tư và tiến hành kinh doanh, khai thác các hạng mục công trình và các hoạt động kinh doanh khác. Công ty nộp tiền góp vốn liên doanh theo thông báo của Bên tham gia hợp tác đầu tư. Tỷ lệ vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư là 25%, số tiền góp vốn đã góp tính đến thời điểm 30/6/2012 là 1.000.000.000 đồng. Công ty đã chuyển giao phần vốn góp này theo Hợp đồng chuyển giao phần vốn góp tại Công ty cổ phần đào tạo nghề và dịch vụ vận tải Hải Phòng số 13.11/2012/HĐCN ngày 13/11/2012.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	9.743.886.234	10.003.545.610
Tăng trong năm	6.248.011.190	5.850.878.364
Giảm trong năm	6.211.999.108	6.110.537.740
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>6.211.999.108</i>	<i>6.039.465.811</i>
Tại ngày 31 tháng 12	9.779.898.316	9.743.886.234

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	330.429.333	635.987.524
Chi phí sửa chữa lớn	9.449.468.983	9.107.898.710
Tổng	9.779.898.316	9.743.886.234

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc phát sinh lãi của các giao dịch nội bộ	276.519.841	429.749.230
Tổng	276.519.841	429.749.230

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6.500.000.000	-
Ngân hàng Công thương Ngô Quyền (*)	6.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.304.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	700.000.000
Tổng	6.500.000.000	1.304.450.000

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTDHM/2012 ngày 20/07/2012

Tổng giới hạn tín dụng 20.000.000.000 đồng, trong đó:

Giới hạn cho vay: 20.000.000.000 đồng

Giới hạn bảo lãnh: 10.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Thanh toán chi phí hợp lý phục vụ cho mục đích kinh doanh xăng dầu và vận tải thủy.

Thời hạn vay: Thời hạn không quá 3 tháng cho từng giấy nhận nợ.

Lãi suất thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng 12%/năm.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích 17.500 m² và 11.949,79 m² đất thuê 30 năm của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại 61 Ngô Quyền, tàu PTS HP 01.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 26.784.000.000 đồng.

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	472	21.892
Hoạt động dịch vụ sửa chữa	14.654.774.698	14.629.431.448
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	10.874.231.410	12.028.628.800
Tổng	25.529.006.580	26.658.082.140

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	276.281.102	42.684.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	26.663.865
Tổng	427.678.494	69.348.273

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi vay phải trả	12.527.777	5.880.166
Trích trước chi phí XD cơ sở hạ tầng tại Xã Đông Hải	-	906.958.614
Trích trước tiền thuê đất	-	12.500.000
Tổng	12.527.777	925.338.780

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	767.855.818	519.495.446
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	108.027.548	3.851.959
Bảo hiểm thất nghiệp	49.417.032	-
Phải trả, phải nộp khác	335.529.903	1.218.511.630
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>	-	975.081.232
<i>Trong đó: - Cổ tức phải trả</i>	-	975.081.232
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>	99.115.410	29.611.410
<i>Tiền thương của Tập đoàn</i>	9.300.000	17.300.000
<i>Tiền thừa hàng</i>	54.990.040	46.907.040
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	172.124.453	149.611.948
Tổng	1.260.830.301	1.741.859.035

5. 18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	-	3.780.047.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	1.680.047.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	2.100.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.304.450.000
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	-	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	700.000.000
Tổng	-	2.475.597.469

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 19 Vốn chủ sở hữu**a. Biên động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2011	38.280.000.000	6.525.862.898	11.511.994.612	2.638.258.380	10.747.151.704	69.703.267.594
Tăng trong năm	17.400.000.000	-	2.417.720.041	527.107.503	7.958.139.780	28.302.967.324
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	7.958.139.780	7.958.139.780
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.417.720.041	527.107.503	-	2.944.827.544
Tăng vốn	17.400.000.000	-	-	-	-	17.400.000.000
Giảm trong năm	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	5.610.049.388	6.474.361.327
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	4.626.150.052	4.626.150.052
Giảm khác	-	501.360.438	295.799.476	67.152.025	983.899.336	1.848.211.275
Số dư ngày 31/12/2011	55.680.000.000	6.024.502.460	13.633.915.177	3.098.213.858	13.095.242.096	91.531.873.591
Số dư ngày 01/01/2012	55.680.000.000	6.024.502.460	13.633.915.177	3.098.213.858	13.095.242.096	91.531.873.591
Tăng trong năm	-	-	1.379.207.124	585.853.007	(2.242.876.431)	(277.816.300)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(2.242.876.431)	(2.242.876.431)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.379.207.124	585.853.007	-	1.965.060.131
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.505.798.571	12.505.798.571
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	3.365.060.131	3.365.060.131
Chia cổ tức	-	-	-	-	8.352.000.000	8.352.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	788.738.440	788.738.440
Số dư ngày 31/12/2012	55.680.000.000	6.024.502.460	15.013.122.301	3.684.066.865	(1.653.432.906)	78.748.258.720

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	28.396.800.000	28.396.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	27.283.200.000	27.283.200.000
Tổng	55.680.000.000	55.680.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.568.000	5.568.000
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.568.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.568.000	5.525.526
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.525.526
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

5. 20 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	167.575.472.113	180.500.134.580
Doanh thu dịch vụ vận tải	84.112.751.378	88.456.027.251
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	23.255.665.606	30.507.879.877
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.459.210.743	19.077.233.770
Doanh thu bán vật tư	213.508.409	38.181.818
Doanh thu dịch vụ khác	227.331.860	273.522.775
Tổng	279.843.940.109	318.852.980.071

5. 21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	164.060.278.631	174.326.928.551
Giá vốn dịch vụ vận tải	79.653.169.902	78.541.150.378
Giá vốn sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	19.916.232.077	26.248.693.977
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.367.305.080	14.484.957.927
Giá vốn bán vật tư	211.000.313	-
Giá vốn dịch vụ khác	237.349.114	151.953.193
Tổng	267.445.335.117	293.753.684.026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5. 22 Doanh thu tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.855.595	287.599.518
Lãi tiền gửi Công ty Chứng khoán	-	750.010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.050.000	165.413.600
Tổng	47.905.595	453.763.128

5. 23 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	1.420.891.985	939.607.193
Chi phí tài chính khác	(246.122.010)	1.151.468.440
<i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	<i>1.510.079.821</i>	-
<i>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	<i>1.151.468.440</i>
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>(1.756.697.684)</i>	
Chi phí tài chính khác	495.853	-
Tổng	1.174.769.975	2.091.075.633

5. 24 Lợi nhuận khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	701.244.032	2.937.170.259
Thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	235.444.095	
Thu thanh lý tài sản	-	2.901.678.181
Bồi thường bảo hiểm thân tàu PTSHPO1	37.079.545	34.931.818
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	428.698.500	
Thu nhập khác	21.892	560.260
Chi phí khác	332.205.300	1.222.653.746
Phạt thuế	-	34.661.557
Phạt theo QĐ số 620/QĐ-UBCK	-	120.000.000
Chi phí thanh lý tài sản và tài sản dài hạn khác	67.715.970	991.228.702
Phạt vi phạm hành chính	34.485.830	-
Bồi thường dầu cho tàu	230.003.500	-
Chi phí khác	-	76.763.487
Lợi nhuận khác	369.038.732	1.714.516.513

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN/HN

5. 25 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	2.133.753.289
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	521.870	-
Tổng	521.870	2.133.753.289

5. 26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(2.242.876.431)	7.958.139.780
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	(2.242.876.431)	7.958.139.780
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.568.000	5.253.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(403)	1.515

5. 27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.258.864.137	65.935.924.384
Chi phí nhân công	24.710.712.526	27.569.787.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.300.315.617	7.539.250.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.493.926.303	12.602.034.384
Chi phí khác bằng tiền	19.449.941.158	16.592.836.233
Tổng	124.213.759.741	130.239.833.741

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	250.140.000	493.520.000
Lương Ban Giám đốc	959.097.460	700.040.200

Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.1 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh vận tải, kinh doanh Bất động sản, dịch vụ sửa chữa tàu và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, cho thuê nhà, đất chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	3.559.780.230	43.524.701.138	-	4.174.673.299	2.663.073.910	53.922.228.577
Xây dựng cơ bản dở dang	1.120.068.885	4.199.045.928	-	-	-	5.319.114.813
Các khoản phải thu	3.299.945.854	7.970.327.066	5.782.875.311	4.336.213.765	-	21.389.361.996
Hàng tồn kho	2.122.438.670	2.249.880.914	9.708.830.016	7.102.041.034	-	21.183.190.634
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	40.904.777.896
Tổng tài sản						142.718.673.916
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	5.775.827.164	6.232.610.152	12.249.508.811	17.246.646.214	-	41.504.592.341
Phải trả tiền vay	1.304.450.000	1.400.000.000	-	-	-	2.704.450.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	6.977.757.984
Tổng nợ phải trả						51.186.800.325

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)*Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	137.901.653.256	88.456.027.251	19.077.233.770	30.507.879.877	311.704.593	276.254.498.747
Doanh thu giữa các bộ phận	42.598.481.324	-	-	-	-	42.598.481.324
Doanh thu	180.500.134.580	88.456.027.251	19.077.233.770	30.507.879.877	311.704.593	318.852.980.071
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	1.872.200.477	3.106.746.681	4.050.631.890	536.910.632	205.124.727	9.771.614.407
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	-	288.349.528
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	126.912.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(2.228.736.726)
Lợi nhuận trong năm						7.958.139.780

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	4.977.516.173	40.812.846.844	-	774.079.967	2.421.337.966	48.985.780.950
Xây dựng cơ bản dở dang	77.197.951	778.138.735	-	-	-	855.336.686
Các khoản phải thu	4.211.709.848	10.039.824.407	4.661.534.090	12.498.854.520	132.585.079	31.544.507.944
Hàng tồn kho	2.108.998.966	1.246.337.585	7.933.791.865	8.424.503.658	-	19.713.632.074
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	27.062.779.489
Tổng tài sản						128.162.037.143
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	6.608.160.633	3.402.429.375	11.045.005.710	18.069.867.310	-	39.125.463.028
Phải trả tiền vay	6.500.000.000	-	-	-	-	6.500.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	3.788.315.395
Tổng nợ phải trả						49.413.778.423

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.1 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)*Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Dịch vụ sửa chữa tàu	Khác	Cộng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	128.616.023.199	84.112.751.378	4.459.210.743	23.255.665.606	440.840.269	240.884.491.195
Doanh thu giữa các bộ phận	38.959.448.914	-	-	-	-	38.959.448.914
Doanh thu	167.575.472.113	84.112.751.378	4.459.210.743	23.255.665.606	440.840.269	279.843.940.109
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	(109.910.363)	(2.919.868.403)	947.041.965	134.359.884	168.947.306	(1.779.429.611)
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	-	33.855.595
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	-	(453.821.236)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(43.481.179)
Lợi nhuận trong năm						(2.242.876.431)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.813.863.733	5.109.681.969
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.663.489.480	16.315.470.949
Đầu tư ngắn hạn	-	863.743.990
Đầu tư dài hạn	-	900.000.000
Tổng cộng	19.477.353.213	23.188.896.908

Công nợ tài chính

Các khoản vay	6.500.000.000	3.780.047.469
Phải trả người bán và phải trả khác	14.810.508.731	15.139.781.568
Chi phí phải trả	12.527.777	925.338.780
Tổng cộng	21.323.036.508	19.845.167.817

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	14.810.508.731	-	14.810.508.731
Chi phí phải trả	12.527.777	-	12.527.777
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	1.304.450.000	-	1.304.450.000
Phải trả người bán và phải trả khác	15.139.781.568	-	15.139.781.568
Chi phí phải trả	925.338.780	-	925.338.780
Vay và nợ dài hạn		2.475.597.469	2.475.597.469

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.813.863.733	-	1.813.863.733
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng phải thu khác	17.663.489.480	-	17.663.489.480
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.109.681.969	-	5.109.681.969
Đầu tư tài chính ngắn hạn	863.743.990	-	863.743.990
Phải thu khách hàng phải thu khác	16.315.470.949	-	16.315.470.949
Đầu tư tài chính dài hạn	-	900.000.000	900.000.000
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000

6.4 Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6.5 Số liệu so sánh

Báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Phạm Kim Anh****Phạm Thị Ngọc Anh****Nguyễn Trọng Thủy**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU SỐ 01 - HN/CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Hình thức/Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu công ty năm giữ	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đầu tư vào Công ty con (TK221)									
1	Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng	01/07/2008		5.000.000.000			5.000.000.000	100%		
II	Vốn góp liên doanh (TK222)									
III	Đầu tư Công ty liên kết (TK223)									
	Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	6/30/2007				310.000	4.657.000.000	12,9%		
IV	Đầu tư dài hạn khác (TK228)									

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU SỐ 02 - HN/CTC

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác	
				Tổng số	Trong đó			
					Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức lợi nhuận đã nhận		
A	B	C	1	2	3	4	5	
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	58.760.263.243					
2	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	4.929.881.676					
3	11059000	Công ty liên doanh Hóa chất PTN	531.420.750					
4	11024000	Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	627.790.750					
5	11005000	Công ty Xăng dầu B12- Cảng Xăng dầu B12	99.287.919					
6	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	7.258.712.875					
7	11006000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	3.489.396.990					
8	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	22.286.400					
9	11001000	CN Xăng dầu Bắc Ninh-Công ty Xăng dầu KVI	737.347.602					
10		Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng					217.000.000	
		Tổng cộng	76.456.388.205				217.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU SỐ 03 - HN/CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp, phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	1	2	3	4
		I/ Giá trị hàng mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	4.036.875.638	882.203.984		
		II/ Giá trị hàng mua nội bộ trong kỳ	162.630.970.237	2.440.473.720		
1	11003000	Công ty Xăng dầu KVII	161.182.723.489			
2	11024000	Chi nhánh Hóa dầu Hải Phòng		2.440.473.720		
3	11019000	Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	505.909.200			
4	11002000	Công ty Xăng dầu KVII	293.435.738			
5	11022000	Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu				
6	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	350.181.810			
7	11020000	CN Công ty Cổ phần vận tải VITACO-XNDVTM VITACO	298.720.000			
		III/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	162.798.384.010	2.555.829.339		
		IV/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	3.869.461.865	766.848.365		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/201-

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU SỐ 04 - HN/CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ, ký cược	Cho vay nội bộ
A	C	D	1	2	3	4	5	6
		Phần I: Nợ ngắn hạn	5.404.293.894			5.700.000		
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.346.316.612			5.700.000		
2	11006000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	532.431.970					
3	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	521.018.623					
4	11001000	CN Xăng dầu Bắc Ninh- Công ty Xăng dầu KVI	405.829.166					
5	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.464.965.772					
6	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	24.515.040					
7	11005000	Công ty Xăng dầu B12- Cảng Xăng dầu B12	109.216.711					

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU SỐ 05 - HN/CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả, phải nộp khác	Nhận ký quỹ, ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	C	B	1	2	3	4	5	6
		Phần I: Ngắn hạn	9.647.503.852			0		
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam						
2	11024000	CN Hóa dầu- Công ty Hóa dầu Petrlimex	1.049.869.272					
3	11001000	Công ty Xăng dầu KVI	3.256.233.539					
4	11003000	Công ty Xăng dầu KV III	5.323.291.361					
5	11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	0					
6	11019000	Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO-VIPCO	18.109.680					

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU SỐ 06 - HN/CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

ST T	Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay				Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian					
			1/1/2012	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2012	Trong năm 2010	Trong năm 2011	Trong năm 2012	Trong năm 2013	Trong năm 2014	Sau năm 2015
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I		Vay và nợ nội bộ tập đoàn	1.075.597.469	0	1.075.597.469	0	604.450.000	604.450.000	1.075.597.469	0	0	0
1	11060000	Ngân hàng TMCP Petrolimex	1.075.597.469		1.075.597.469	0	604.450.000	604.450.000	1.075.597.469			
2	11050000	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam				0						
						0						
II		Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác	1.400.000.000	0	1.400.000.000	0	700.000.000	700.000.000	1.400.000.000	0	0	0
1		Ngân hàng Việt Bank-CNHP	1.400.000.000		1.400.000.000	0	700.000.000	700.000.000	1.400.000.000			
						0						
		Cộng	2.475.597.469	0	2.475.597.469	0	1.304.450.000	1.304.450.000	2.475.597.469	0	0	0

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 02 năm 2013
Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy